TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 194/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2026/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Trần Đại N, sinh năm 2000;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cước công dân số 077200004016 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/08/2025.

- Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 2002;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cước công dân số: 077302000913 do Cục C cấp ngày 27/12/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đại N và bà Lê Thị Mỹ L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do UBND phường P, Thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp vào ngày 06/12/2024 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông N và bà L xác định ông bà có 01 con chung là Trần Lê Gia H(nữ), sinh ngày 05/10/2024. Ông N và bà L thỏa thuận giao trẻ H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01/8/2026 cho đến khi trẻ H thành niên.

Nếu ông N chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì ông N còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N và bà L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề khác (nợ chung): Ông N và bà L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Đại N và bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông N và bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0038013 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N và bà L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 - TPHCM;
- Ủy ban nhân dân đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy